

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Mã số thuế: 0309532497

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, P.Cát Lái, Tp. Thủ
Đức, Tp. HCM

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2024	Số đầu năm 01/1/2024
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		390.252.259.553	347.513.988.787
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	63.090.479.604	124.086.819.543
1.Tiền	111		32.090.479.604	28.086.819.543
2.Các khoản tương đương tiền	112		31.000.000.000	96.000.000.000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	149.500.000.000	123.000.000.000
1.Chứng khoán kinh doanh	121			
2.Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		149.500.000.000	123.000.000.000
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		159.612.339.491	79.836.982.481
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	152.690.393.626	69.717.057.457
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	2.427.625.022	5.591.780.922
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6.Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	6.780.973.264	7.195.141.723
7.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(2.286.652.421)	(2.666.997.621)
8.Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV.Hàng tồn kho	140	V.7	6.272.231.932	6.867.930.429
1.Hàng tồn kho	141		6.272.231.932	6.867.930.429
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		11.777.208.526	13.722.256.334
1.Chí phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	9.778.814.738	10.235.972.052
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.998.393.788	3.486.284.282
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5.Tài sản ngắn hạn khác	155			
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		188.358.058.294	184.685.476.656
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		15.000.000.000	15.000.000.000

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2024	Số đầu năm 01/1/2024
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b		
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	15.000.000.000	15.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		122.137.492.011	120.739.968.450
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	108.074.385.031	108.055.162.348
- Nguyên giá	222		556.673.211.919	544.046.981.744
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(448.598.826.888)	(435.991.819.396)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	14.063.106.980	12.684.806.102
- Nguyên giá	228		32.544.087.875	25.512.666.325
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(18.480.980.895)	(12.827.860.223)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		51.412.844	51.412.844
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	51.412.844	51.412.844
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		33.687.147.817	30.694.902.331
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	28.100.000.000	28.100.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	7.200.000.000	3.600.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.612.852.183)	(1.005.097.669)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác			17.482.005.622	18.199.193.031
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	16.506.850.486	17.467.112.517
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	975.155.136	732.080.514
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		578.610.317.847	532.199.465.443

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2024	Số đầu năm 01/1/2024
1	2	3		
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		250.398.720.328	213.594.511.532
I.Nợ ngắn hạn	310		245.398.720.328	208.594.511.532
1.Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	98.104.163.511	78.196.379.900
2.Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			-
3.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	15.452.008.309	12.126.687.365
4.Phải trả người lao động	314		64.034.647.453	46.902.706.056
5.Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	7.058.280.679	4.284.387.571
6.Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8.Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9.Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	10.478.372.779	9.705.191.435
10.Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a		2.653.645.716
11.Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12.Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	50.271.247.597	54.725.513.489
13.Quỹ bình ổn giá	323			
14.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II.Nợ dài hạn	330		5.000.000.000	5.000.000.000
1.Phải trả người bán dài hạn	331			
2.Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3.Chi phí phải trả dài hạn	333			
4.Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5.Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7.Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	5.000.000.000	5.000.000.000
8.Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b		
9.Trái phiếu chuyển đổi	339			
10.Cổ phiếu ưu đãi	340			
11.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12.Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13.Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		328.211.597.519	318.604.953.911
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.18	328.211.597.519	318.604.953.911
1.Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.910.200.000	199.910.200.000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412			

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2024	Số đầu năm 01/1/2024
3.Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4.Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5.Cổ phiếu quỹ	415			
6.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8.Quỹ đầu tư phát triển	418		84.321.153.519	74.714.509.911
9.Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.980.244.000	43.980.244.000
a.LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A			
b.LNST chưa phân phối kỳ này	421B		43.980.244.000	43.980.244.000
12.Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác				
1.Nguồn kinh phí	432			
2.Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		578.610.317.847	532.199.465.443

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn ().

Ngày 23 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Cẩm Trang



Nguyễn Thị Hồng Liên



Đỗ Thanh Trường

CTY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Mã số thuế : **0309532497**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, P. Cát Lái, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM

Mẫu số B 02a - DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3			6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	234.276.119.417	202.130.264.629	863.833.231.101	768.218.603.655
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		234.276.119.417	202.130.264.629	863.833.231.101	768.218.603.655
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	169.619.109.765	149.970.375.873	654.458.949.798	583.914.205.484
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		64.657.009.652	52.159.888.756	209.374.281.303	184.304.398.171
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.110.317.024	4.444.240.996	14.691.770.130	17.201.250.265
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	690.695.630	(267.688.170)	718.558.230	1.484.999.784
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		-	58.904.204	3.949.970	1.098.672.546
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	12.829.002.540	9.072.596.286	29.984.419.204	25.286.998.511
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	30.829.474.051	28.543.714.337	69.345.031.942	63.174.748.557
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		23.418.154.455	19.255.507.299	124.018.042.057	111.558.901.584
11. Thu nhập khác	31	VI.7	89.825.849	78.001.730	334.213.396	601.672.265
12. Chi phí khác	32	VI.8	86.620.122	521.071.609	482.932.132	2.422.910.647
13. Lợi nhuận khác : (40 = 31 - 32)	40		3.205.727	(443.069.879)	(148.718.736)	(1.821.238.382)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : (50 = 30 +40)	50		23.421.360.182	18.812.437.420	123.869.323.321	109.737.663.202
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(125.989.053)	769.604.557	28.045.961.878	24.257.791.488
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	8.819.284.723	7.181.396.973	(243.074.622)	289.768.360

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3			6	7
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp :	60		14.728.064.512	10.861.435.890	96.066.436.065	85.190.103.354
60 = 50 - 51-52)						
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10				

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên



Ngày 23 tháng 01 năm 2025

Giám đốc

Đỗ Thanh Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNGMã Số Thuế : **0309532497**Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, P. Cát Lái, Tp. Thủ Đức, Tp.
HCM**Mẫu số B 03a - DN**(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	123.869.323.321	109.737.663.202
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	24.451.113.650	25.038.640.385
-	Các khoản dự phòng	03	227.409.314	319.243.965
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	33.968.526	17.923.047
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.248.361.779)	(16.865.649.363)
-	Chi phí lãi vay	06	3.949.970	1.098.672.546
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			
	trước thay đổi vốn lưu động	08	134.337.403.002	119.346.493.782
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(76.122.689.210)	3.864.849.159
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	595.698.497	(2.324.576.670)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	32.616.612.853	9.104.957.265
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.417.419.345	(6.748.133.748)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(3.949.970)	(1.098.672.546)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.463.546.563)	(16.258.125.309)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	9.000.000	15.000.000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(46.942.814.349)	(17.905.842.622)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	20.443.133.605	87.995.949.311
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(19.084.181.459)	(18.830.231.419)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(294.000.000.000)	(190.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	267.500.000.000	188.700.000.000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.600.000.000)	
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.488.627.532	16.897.031.557
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(34.695.553.927)	(3.233.199.862)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.653.645.716)	(25.003.438.826)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(44.090.851.130)	(43.681.564.900)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(46.744.496.846)	(68.685.003.726)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(60.996.917.168)	16.077.745.723
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	124.086.819.543	108.028.733.588
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	577.229	(19.659.768)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	63.090.479.604	124.086.819.543

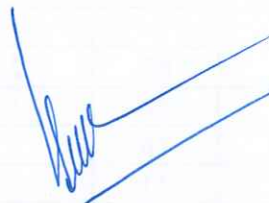
Ngày 23 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc







Nguyễn Cẩm Trang

Nguyễn Thị Hồng Liên

Đỗ Thanh Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,50%	57,50%	57,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51,00%	51,00%	51,00%

Công ty liên kết

Công ty đầu tư vào 02 công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Tân Cảng Express có trụ sở chính tại 9B Tú Xương, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, tỷ lệ vốn góp theo cam kết của Công ty tại công ty liên kết này là 36,00%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phân sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng có trụ sở chính tại 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, tỷ lệ vốn góp theo cam

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kết của Công ty tại công ty liên kết này là 36,00%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 452 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 449 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng được dự trữ để phục vụ thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, được bảo quản ở tình trạng tốt và không cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm bao gồm chi phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm cháy nổ và bảo hiểm phương tiện được phân bổ vào chi phí theo thời gian trên giấy chứng nhận bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	485.384.854	250.889.433
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.605.094.750	27.835.930.110
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	31.000.000.000	96.000.000.000
Cộng	63.090.479.604	124.086.819.543

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng lãi, suất từ 4,0% – 5,1%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	28.100.000.000	-	28.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	23.000.000.000	-	23.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	5.100.000.000	-	5.100.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	3.600.000.000 (1.612.852.183)		3.600.000.000 (1.005.097.669)	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	3.600.000.000		3.600.000.000 (1.005.097.669)	
Công ty CP Depot Kho vận Tân Cảng	3.600.000.000 (1.612.852.183)			
Cộng	35.300.000.000 (1.612.852.183)		31.700.000.000 (1.005.097.669)	

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	2.300.000	57,50%	2.300.000	57,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	510.000	51,00%	510.000	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express(*)	360.000	36,00%	360.000	40,00%
Công ty CP Depot Kho vận Tân Cảng(**)	360.000	36,00%		

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316787129 ngày 02 tháng 04 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 03 ngày 19 tháng 11 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Tân Cảng Express có vốn điều lệ là 10.000.000.000 VND. Công ty cam kết góp 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Express 3.600.000.000 VND, sở hữu 360.000 cổ phần tương đương 36,00% vốn điều lệ.

(**) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0318512521 ngày 14 tháng 06 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng có vốn điều lệ là 10.000.000.000 VND. Công ty cam kết góp 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng 3.600.000.000 VND, sở hữu 360.000 cổ phần tương đương 36,00% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con và công ty liên kết

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.005.097.669	716.086.904
Trích lập dự phòng	1.612.852.183	289.010.765
Hoàn nhập dự phòng	(1.005.097.669)	
Số cuối năm	1.612.852.183	1.005.097.669

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái</i>		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	6.834.107.771	10.874.317.587
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	79.827.213.833	77.759.273.917
Công ty con chia cổ tức	5.520.000.000	4.140.000.000

Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực

Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	964.840.939	849.764.631
Cho Công ty con thuê đất	8.050.824.000	8.081.442.000
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	3.311.881.852	5.525.841.000
Mua nhiên liệu của Công ty con	6.603.803.172	5.868.356.217
Công ty con chia cổ tức	1.530.000.000	1.530.000.000

Công ty Cổ phần Tân Cảng Express

Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	615.631.716	-
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	10.386.952.763	-

Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng

Góp vốn vào Công ty liên kết	3.600.000.000	-
------------------------------	---------------	---

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	106.522.873.168	30.310.841.600
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	96.951.472.781	22.240.670.350
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	4.131.662.111	3.369.215.284
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	4.571.195.114	3.999.320.036
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	516.390.332	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	260.156.000	574.483.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	41.549.760	67.818.870
Công ty Cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng	50.447.070	56.552.040
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng		2.782.020
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	46.167.520.458	39.406.215.857

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cộng	152.690.393.626	69.717.057.457

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	796.857.600	1.801.227.243
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	796.857.600	1.728.356.403
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		72.870.840
Trả trước cho người bán khác	1.630.767.422	3.790.553.679
Công ty Cổ phần Unico Vina	648.691.848	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ khí Asean		2.781.200.000
Các nhà cung cấp khác	982.075.574	1.009.353.679
Cộng	2.427.625.022	5.591.780.922

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	1.730.497.411		1.761.158.150	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – thu chi hộ nâng hạ	1.730.497.411		1.761.158.150	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.050.475.853		5.433.983.573 (74.840.200)	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.797.412.329		2.037.678.082	-
Tạm ứng	779.507.761		960.495.300	-
Các khoản chi hộ	1.928.136.891		1.945.387.757 (74.840.200)	
Các khoản phải thu khác	545.418.872		490.422.434	-
Cộng	6.780.973.264		7.195.141.723 (74.840.200)	

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Hiệp Lực – Đặt cọc tiền thuê đất	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi của các khách hàng có thời gian quá hạn trên 3 năm, tỷ lệ trích lập dự phòng 100%.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hải Lưu	441.997.000	441.997.000
Công ty TNHH Innopack Việt Nam	1.565.679.417	1.565.679.417
Công ty TNHH TMDV Giao nhận Vận tải Haco		101.894.200
Công ty Cổ phần Thương mại MDK	149.820.000	169.820.000
Các khách hàng khác	129.156.004	387.607.004
Cộng	2.286.652.421	2.666.997.621

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.666.997.621	2.636.764.421
Trích lập dự phòng		111.315.700
Hoàn nhập dự phòng	(380.345.200)	(81.082.500)
Số cuối năm	2.286.652.421	2.666.997.621

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	5.731.349.788	6.461.922.288
Công cụ, dụng cụ	540.882.144	406.008.141
Cộng	6.272.231.932	6.867.930.429

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	809.849.720	3.630.481.130
Chi phí bảo hiểm	4.940.645.722	1.116.783.888
Chi phí sửa chữa	3.879.073.947	4.906.025.254
Các chi phí khác	149.245.349	582.681.780
Cộng	9.778.814.738	10.235.972.052

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.790.181.645	3.163.004.331
Chi phí sửa chữa	11.936.825.291	12.463.113.877
Các chi phí khác	1.779.843.550	1.840.994.309
Cộng	16.506.850.486	17.467.112.517

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	171.661.202.312	196.313.084.116	109.329.138.257	8.253.525.143	58.490.031.916	544.046.981.744
Mua trong năm			13.610.185.188	2.008.800.125	3.198.230.348	18.817.215.661
Thanh lý	(258.148.190)	(2.671.795.581)		(2.663.458.691)	(597.583.024)	(6.190.985.486)
Số cuối năm	171.403.054.122	193.641.288.535	122.939.323.445	7.598.866.577	61.090.679.240	556.673.211.919
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	47.612.583.073	160.010.633.649	108.008.883.711	2.049.567.052	44.076.609.898	361.758.277.383
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	98.616.337.527	170.602.500.536	108.752.029.050	5.094.673.017	52.926.279.266	435.991.819.396
Khấu hao trong năm	8.463.269.565	5.807.056.662	1.131.604.207	972.095.282	2.423.967.262	18.797.992.978
Thanh lý	(258.148.190)	(2.671.795.581)		(2.663.458.691)	(597.583.024)	(6.190.985.486)
Số cuối năm	106.821.458.902	173.737.761.617	109.883.633.257	3.403.309.608	54.752.663.504	448.598.826.888
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	73.044.864.785	25.710.583.580	577.109.207	3.158.852.126	5.563.752.650	108.055.162.348
Số cuối năm	64.581.595.220	19.903.526.918	13.055.690.188	4.195.556.969	6.338.015.736	108.074.385.031
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	25.512.666.325	(12.827.860.223)	12.684.806.102
Mua trong năm	7.031.421.550		7.031.421.550
Khấu hao trong năm		(5.653.120.672)	(5.653.120.672)
Số cuối năm	32.544.087.875	(18.480.980.895)	14.063.106.980

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 9.161.846.930 VND.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

11a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	732.080.514	1.021.848.874
Phát sinh trong năm	975.155.136	732.080.514
Hoàn nhập trong năm	(732.080.514)	(1.021.848.874)
Số cuối năm	975.155.136	732.080.514

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

11b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>51.528.142.214</i>	<i>35.680.642.332</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	2.292.773.345	757.691.138
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	881.667.790	1.943.112.570
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	24.158.124.343	19.585.053.166
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	7.413.895.041	5.971.639.513
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	8.425.372.900	5.059.925.884
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	1.052.831.748	81.825.062
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	5.956.200	7.471.440
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	675.015.012	620.800.400
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.672.431.300	1.024.792.760
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	382.151.520	166.737.960
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	20.172.240	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	504.235.879	374.868.439
Công ty Cổ phần Tân cảng Express	3.745.927.376	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	295.812.000	86.724.000
Công ty Cổ phần Tân cảng Miền Trung	1.775.520	347.831.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>46.576.021.297</i>	<i>42.515.737.568</i>
Cộng	<u>98.104.163.511</u>	<u>78.196.379.900</u>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa		27.853.921.287	(27.853.921.287)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.463.546.563	28.045.961.878	25.463.546.563	13.045.961.878
Thuế thu nhập cá nhân	1.663.140.802	13.473.471.255	12.730.565.626	2.406.046.431
Lệ phí môn bài		3.000.000	(3.000.000)	
Các loại thuế khác		184.216.205	(184.216.205)	
Cộng	<u>12.126.687.365</u>	<u>69.560.570.625</u>	<u>(66.235.249.681)</u>	<u>15.452.008.309</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ lưu kho bãi, cho thuê phương tiện và các dịch vụ đi kèm	8%; 10%
- Cho thuê văn phòng và quyền sử dụng đất	10 %

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	123.869.323.321	109.737.663.202
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	23.410.486.067	15.250.069.611
- Các khoản điều chỉnh tăng	27.090.517.083	20.688.259.419
<i>Lỗ CLTG chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>	<i>(608.442)</i>	<i>19.628.445</i>
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	<i>22.215.349.846</i>	<i>17.008.228.403</i>
<i>Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ</i>	<i>4.875.775.679</i>	<i>3.660.402.571</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.680.031.016)	(5.438.189.808)
<i>Lỗ CLTG chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>	<i>(19.628.445)</i>	<i>(328.945.439)</i>
<i>Chi phí trích năm trước đã có hóa đơn chứng từ trong năm nay</i>	<i>(3.660.402.571)</i>	<i>(5.109.244.369)</i>
Thu nhập chịu thuế	147.279.809.388	124.987.732.813
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(7.050.000.000)	(5.670.000.000)
Thu nhập tính thuế	140.229.809.388	119.317.732.813
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	28.045.961.878	23.863.546.563
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		394.244.925
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	28.045.961.878	24.257.791.488

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>2.633.400.234</i>	<i>2.235.130.871</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca, nâng hạ	1.829.144.000	1.313.585.934
Công ty CP Tân Cảng Hiệp Lực - phí nhiên liệu	136.523.418	75.685.473
Công ty CP Tiếp vận Cát Lái - phí vận chuyển, nâng hạ	449.714.316	724.146.353
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express – phí nâng hạ	89.038.000	-
Công ty Cổ phần Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng - Chi phí vận chuyển	79.769.000	119.505.111
Công ty CP Vận tải Thủy Tân Cảng - phí nâng hạ		2.208.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung - Phí trung chuyển	408.000	
Công ty CP Tân Cảng Phú Hữu – Phí trung chuyển	17.529.000	
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>4.424.880.445</i>	<i>2.049.256.700</i>
Chi phí bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển	1.818.189.089	346.013.346
Chi phí hoa hồng	865.329.783	771.647.775
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.741.361.573	931.595.579
Cộng	<u>7.058.280.679</u>	<u>4.284.387.571</u>

15. Phải trả khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>10.478.372.779</i>	<i>9.705.191.435</i>
Kinh phí công đoàn	1.337.763.218	1.193.107.742
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.932.562.610	1.666.506.382
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.273.152.383	1.254.993.001
Cổ tức phải trả	2.578.118.720	2.688.725.850
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.356.775.848	2.901.858.460
Cộng	<u>10.478.372.779</u>	<u>9.705.191.435</u>

15b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	5.000.000.000	5.000.000.000
– Đặt cọc tiền thuê đất		

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Vay****16a. Vay ngắn hạn**

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả, bao gồm: (Xem thuyết minh V.16b)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh		214.285.716
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		2.439.360.000
- Chi nhánh Thủ Thiêm		
Cộng		2.653.645.716

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn đến hạn trả.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm		4.880.554.090
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn		3.353.152.930
Số tiền vay đã trả		(5.580.061.304)
Số cuối năm		2.653.645.716

16b. Vay dài hạn: Công ty không còn khoản vay dài hạn.**16c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng người quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	15.540.451.346	38.666.312.143	518.750.000	54.725.513.489
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	20.699.687.347	21.179.861.110	600.000.000	42.479.548.457
Tăng khác	9.000.000			9.000.000
Chi quỹ trong năm	(15.987.500.000)	(30.436.564.349)	(518.750.000)	(46.942.814.349)
Số cuối năm	20.261.638.693	29.409.608.904	600.000.000	50.271.247.597

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Năm trước				
Số dư đầu năm	199.910.200.000	66.195.499.576	44.041.388.570	310.147.088.146
Lợi nhuận trong năm	-	-	85.190.103.354	85.190.103.354
Chia cổ tức	-	-	(43.980.244.000)	(43.980.244.000)
Trích quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	(61.144.570)	(61.144.570)
Tạm trích quỹ từ lợi nhuận trong năm 2023	-	8.519.010.335	(41.209.859.354)	(32.690.849.019)
Số dư cuối năm	199.910.200.000	74.714.509.911	43.980.244.000	318.604.953.911
Năm nay				
Số dư đầu năm	199.910.200.000	74.714.509.911	43.980.244.000	318.604.953.911
Lợi nhuận trong năm			96.066.436.065	96.066.436.065

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Chia cổ tức	-	-	(43.980.244.000)	(43.980.244.000)
Tạm trích quỹ từ lợi nhuận trong năm		9.606.643.608	(52.086.192.065)	(42.479.548.457)
Số dư cuối năm	199.910.200.000	84.321.153.519	43.980.244.000	328.211.597.519

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	117.970.500.000
Các cổ đông khác	81.939.700.000	81.939.700.000
Cộng	199.910.200.000	199.910.200.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.991.020	19.991.020

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 như sau:

	VND
Phân phối lợi nhuận năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 43.980.244.000
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm nay	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 9.606.643.608
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 41.879.548.457
• Trích quỹ thưởng người quản lý	: 600.000.000

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 1.225,44 USD (số đầu năm là 250.634,15 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	863.833.231.101	768.218.603.655

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ	654.458.949.798	583.914.205.484

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	7.198.361.779	11.195.649.363
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.050.000.000	5.670.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	443.408.351	335.600.902
Cộng	14.691.770.130	17.201.250.265

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.949.970	1.098.672.546
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	72.885.220	79.393.426
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	33.968.526	17.923.047
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	607.754.514	289.010.765
Cộng	718.558.230	1.484.999.784

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng	17.031.461.762	16.538.235.021
Các chi phí khác	12.952.957.442	8.748.763.490
Cộng	29.984.419.204	25.286.998.511

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14.304.140.367	13.147.739.014
Chi phí vật liệu quản lý	1.225.250.737	1.164.640.994
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.674.372.761	1.314.365.801
Chi phí khấu hao tài sản cố định	909.451.392	786.678.947
Thuế, phí và lệ phí	78.910.612	89.364.223
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(380.345.200)	30.233.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.645.324.666	4.743.904.233
Các chi phí khác	44.887.926.607	41.897.822.145
Cộng	69.345.031.942	63.174.748.557

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phạt nhiên liệu đội cơ giới	317.383.870	331.650.807

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý TSCĐ	15.818.182	
Thu bồi thường thiệt hại		267.905.315
Các khoản thu nhập khác	1.011.344	2.116.143
Cộng	334.213.396	601.672.265

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu		191.802.837
Chi thưởng tiết kiệm nhiên liệu	324.365.543	356.790.841
Chi phí bồi thường thiệt hại		537.762.384
Chi phí phạt do trả nợ trước hạn	15.107.143	929.378.945
Chi phí thanh lý TSCĐ	16.592.500	
Lỗi thanh lý vật tư		364.742.879
Các khoản chi phí khác	126.866.946	42.432.761
Cộng	482.932.132	2.422.910.647

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	732.080.514	1.021.848.874
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(975.155.136)	(732.080.514)
Cộng	(243.074.622)	289.768.360

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.990.768.232	41.805.710.550
Chi phí nhân công	199.901.122.132	180.531.969.582
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.451.113.650	25.038.640.385
Chi phí dịch vụ mua ngoài	399.465.710.568	348.266.942.281
Chi phí khác	87.979.686.362	76.732.689.754
Cộng	753.788.400.944	672.375.952.552

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thưởng người quản lý	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này						
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch HĐQT	674.966.133	397.712.496	80.694.444		1.153.373.073
Ông Đỗ Thanh Trường	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Bổ nhiệm 25/4/2024)	491.037.626	267.919.033		40.000.000	798.956.659
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm 09/8/2024)	211.651.568	138.434.397	73.009.259	45.000.000	468.095.224
Ông Đoàn Phi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	539.325.922	323.517.788	61.481.481	60.000.000	984.325.191
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên HĐQT			57.638.889	60.000.000	117.638.889
Ông Đỗ Xuân Minh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm 9/8/2024)			57.638.889	35.000.000	92.638.889
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng BKS			46.111.111	60.000.000	106.111.111
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS (Bổ nhiệm 25/4/2024)				20.000.000	20.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên BKS (Bổ nhiệm 25/4/2024)				20.000.000	20.000.000
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên BKS (Miễn nhiệm 25/4/2024)			23.055.556	10.000.000	33.055.556
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên BKS (Miễn nhiệm 25/4/2024)			23.055.556	10.000.000	33.055.556
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	535.552.002	320.914.316	49.953.704		906.420.022
Ông Nguyễn Văn Hào	Phó Giám đốc (bổ nhiệm 19/9/2024)	123.236.074	200.305.805			323.541.879
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	356.447.914	218.978.926	46.111.111	30.000.000	651.537.951
Cộng		2.932.217.239	1.867.782.761	518.750.000	390.000.000	5.708.750.000
Kỳ trước						
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch HĐQT	643.012.813	360.010.245	79.698.796		1.082.721.854
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	648.969.858	364.142.647	72.108.434	60.000.000	1.145.220.939
Ông Đoàn Phi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	504.610.704	287.633.333	60.722.892	60.000.000	912.966.929
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên HĐQT			56.927.711	60.000.000	116.927.711
Ông Đỗ Xuân Minh	Thành viên HĐQT			56.927.711	60.000.000	116.927.711
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng BKS			24.668.675	60.000.000	84.668.675
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên BKS			13.283.133	30.000.000	43.283.133

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Đỗ Thanh Trường